



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

EVNPECC1

Hà Nội, tháng 04 năm 2026

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

1.1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên giao dịch
 - + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
 - + Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company
 - + Tên viết tắt: PECC1.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 10/07/2025.
- Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: Không
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025: **511.322.948.996** đồng.
- Địa chỉ: Số 66, phố Lương Ngọc Quyến, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
- Số fax: (84-4) 35520670; (84-4) 3854120
- Website: <http://www.pecc1.com.vn>
- Mã cổ phiếu: TV1
- Sàn giao dịch: UPCoM

1.2. Quá trình phát triển

PECC1 hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm qua các giai đoạn sau:

- Viện thiết kế Tổng hợp thành lập năm 1960, đến năm 1967 được đổi tên thành Viện Quy hoạch và thiết kế điện, năm 1980 là Viện thiết kế điện
- Ngày 01/07/1982, Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi.
- Năm 1988, Công ty đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1; và năm 1999, đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 1.
- Ngày 02/01/2008, Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 266.913.190.000 đ, tương ứng 26.691.319 cổ phần; Tại ngày đăng ký cuối cùng 19/03/2026, Công ty có 2.093 cổ đông, trong đó:
 - + Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) nắm giữ 14.504.227 cổ phần, tương đương 54,34% vốn điều lệ;
 - + Ông Lê Minh Hà nắm giữ 2.700.725 cổ phần, tương đương 10,12% vốn điều lệ.
 - + Các cổ đông khác nắm giữ 9.486.367 cổ phần, tương đương 35,54% vốn điều lệ, trong đó: Người nội bộ và người có liên quan nắm giữ 227.427 cổ phần, tương đương 0,85% vốn điều lệ, chi tiết:

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng chứng khoán nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hữu Chính	Chủ tịch hội đồng quản trị	2.401	0,01%
2	Lê Văn Lực	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	205.900	0,77%
3	Đỗ Việt Khoa	Thành viên Hội đồng quản trị	11.216	0,04%
4	Trần Thái Hải	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	4.000	0,01%
5	Cao Thúy Nga	Kiểm soát viên	3.906	0,01%
6	Nguyễn Tự Minh	Công bố thông tin	4	0,00%
	Cộng		227.427	0,85%

- Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do EVN nắm giữ; Công ty không có cổ phần ưu đãi. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 26.691.319 cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu quỹ.
- Số lượng cổ phiếu của Công ty đã được lưu ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- Cổ phiếu của Công ty giao dịch trên Upcom-Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tăng vốn điều lệ và trả cổ tức

Diễn giải	Số lượng cổ phiếu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Phát hành thêm	Cộng	Trả cổ tức bằng tiền
Năm 2008	10.000.000			10.000.000	18.000.000.000
Năm 2009		2.000.000	5.400.000	7.400.000	
Năm 2010		2.609.765		2.609.765	
Năm 2011		3.000.771		3.000.771	
Năm 2012					27.612.643.200
Năm 2013		3.680.783		3.680.783	
Năm 2014					40.036.978.500
Năm 2015					28.025.884.950
Năm 2023					13.345.659.500
Năm 2024					16.014.791.400
Tổng cộng	10.000.000	11.291.319	5.400.000	26.691.319	143.035.957.550

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Khảo sát, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; lập quy hoạch công trình năng lượng; tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, thẩm tra, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt; tổng thầu thiết kế, xây dựng, mua sắm và cung cấp thiết bị; quan trắc, kiểm định chất lượng công trình; lập, thẩm tra, đánh giá, giám sát môi trường đối với: Công trình dân dụng, Công trình công nghiệp, Công trình năng lượng, Công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình giao thông, Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công trình xử lý môi trường. Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện năng.

1.4. Công ty con

PECC1 sở hữu 100% vốn điều lệ của 04 công ty TNHH một thành viên (MTV), gồm:

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 (MTV1).

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2 (MTV2).
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng (MTV3).
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 (MTV4).

1.5. Năng lực và vị thế của Công ty

Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư của Công ty có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được thử thách từ thực tế các dự án trong nước, quốc tế và có nhiều thời gian làm việc với chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu của các công ty tư vấn nổi tiếng quốc tế.

Công ty luôn đi đầu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến của thế giới, ứng dụng các phần mềm tính toán hiện đại, đổi mới các thiết bị thí nghiệm vào công tác tư vấn thiết kế các công trình, đặc biệt là công trình ở vùng có động đất mạnh, địa chất phức tạp, hồ chứa có dung tích nước lớn, nhà máy điện ngầm và hồ với công suất lớn. Tiêu biểu là:

- Áp dụng công nghệ đập đá đổ bản mặt bê tông cho dự án thủy điện Tuyên Quang (là công nghệ mới được áp dụng đầu tiên tại Việt Nam), góp phần đưa hạng mục hồ chứa vào vận hành sớm 2 năm và giảm chi phí hàng trăm tỉ đồng.
- Áp dụng công nghệ bê tông đầm lăn (RCC) cho đập thủy điện Sơn La, cho phép đưa tổ máy số 1 vào vận hành sớm 2 năm và hoàn thành công trình sớm 3 năm so với kế hoạch được duyệt... Công nghệ RCC cũng đã được Công ty áp dụng thi công cho các đập thủy điện Pleikrông, Bản Vẽ, Bản Chát, Lai Châu và một số thủy điện khác;
- Tính toán lựa chọn tối ưu các công nghệ lò hơi cho các nhà máy nhiệt điện phù hợp với đặc thù chất lượng than Việt Nam và thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường;
- Chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Lập thiết kế kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW” do Bộ Khoa học và Công nghệ giao;
- Tính toán phân tích hệ thống, lựa chọn thiết bị đồng bộ cho thiết kế đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện có điện áp đến 500kV, thiết kế trạm GIS điện áp đến 500kV;
- Sử dụng các thiết bị hiện đại có độ chính xác cao trong công tác khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý để phục vụ tính toán động đất và thiết kế công trình;
- Công tác nghiên cứu, thí nghiệm vật liệu bê tông có bước đột phá, đã áp dụng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong việc lựa chọn cấp phối liên tục, cho phép khắc phục những khó khăn về kỹ thuật để đổ bê tông khối lớn với tốc độ nhanh, đáp ứng yêu cầu an toàn, kinh tế và giảm thời gian xây dựng.

Các dự án do Công ty thực hiện luôn đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần kịp thời cung cấp nguồn điện năng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công ty đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu anh hùng lao động, Huân chương độc lập hạng nhì, nhiều Huân chương lao động và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công thương, EVN.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đầu tư Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 với hình thức Xây dựng-Sở hữu-Kinh doanh. Nhà máy được xây dựng trên Sông Bung thuộc địa phận huyện Nam Giang và Đông Giang tỉnh Quảng Nam với công suất 57MW. Tổ máy số 1 phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; tổ máy số 2 phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới trang thiết bị công nghệ, đầu tư nguồn lực để thực hiện các dự án điện nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật tốt nhất cho khách hàng.

1.6. Các danh hiệu được Nhà nước trao tặng

- 01 Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.
- 01 Huân chương Độc lập hạng nhì.
- 32 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
- 252 Bằng khen của Thủ tướng và Bộ ngành.
- Giải vàng “Năng lượng châu Á năm 2013” - dự án thủy điện Sơn La.
- Giải “Công trình tiêu biểu” - dự án thủy điện Lai Châu của Hội đồng điều phối xây dựng châu Á.
- “Giải Thành tựu” được trao bởi Hiệp hội các kỹ sư tư vấn quốc tế - FIDIC 2018 - dự án thủy điện Huội Quảng.

1.7. Các dự án điển hình

- Dự án thủy điện: Thủy điện Sơn La công suất 2400 MW, đập bê tông đầm lăn cao 138m; Bản Vẽ công suất 320MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Tuyên Quang công suất 342MW, đập đá đổ bản mặt bê tông cao 92m; Lai Châu công suất 1200MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Luangprabang trên dòng chính sông MeKông (Lào), công suất 1100MW; Hạ Sê San 2 (Campuchia), công suất 400MW; thủy điện Hòa Bình mở rộng, thủy điện Yali mở rộng, Thủy điện Nam Emoun (Lào), Thủy điện Tanahu công suất 140MW (Nepal)...
- Dự án hồ chứa nước, thủy lợi: hồ chứa nước Đập Hàn, Nước Trong, Đồng Mít, Bản Lải...; dự án thủy lợi Ngòi Giàng, Cánh Tạng...
- Các dự án nhiệt điện khí LNG Quảng Trị, LNG Quảng Ninh...;
- Công ty tham gia công tác thiết kế nghiên cứu khả thi Bổ sung công suất điện Lô 09-1 bằng tuabin gió ngoài khơi của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, Quy hoạch điện gió ngoài khơi vịnh bắc bộ cho EVN.
- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ địa điểm Dự án Trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân.
- Các dự án năng lượng tái tạo: Điện mặt trời Hồng Phong 1A, 1B, Mũi Né, AMI Khánh Hòa, nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Sóc Sơn, nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và y tế tỉnh Thái Nguyên, các dự án trang trại điện gió, nhà máy điện gió, điện sinh khối...
- Dự án nhiệt điện: Uông Bí MR1, 2 tổng công suất 600MW; Quảng Ninh 1, 2 tổng công suất 1200MW; Thái Bình 1 công suất 600MW; Thái Bình 2 công suất 1200MW; Dung Quất công suất 1200 MW; Mông Dương 1 công suất 1080 MW; Mông Dương 2 công suất 1120 MW; Nghi Sơn 1 công suất 600 MW; Nghi Sơn 2 công suất 1200MW; Quỳnh lập 2, TBKHH Dung Quất I, II, III; Nhiệt điện Quảng Trạch I công suất 1400MW...;
- Dự án lưới điện: Đường dây và trạm đồng bộ 500kV Bắc Nam mạch 1, 2, 3; đường dây 500kV Sơn La-Lai Châu; đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2; đường

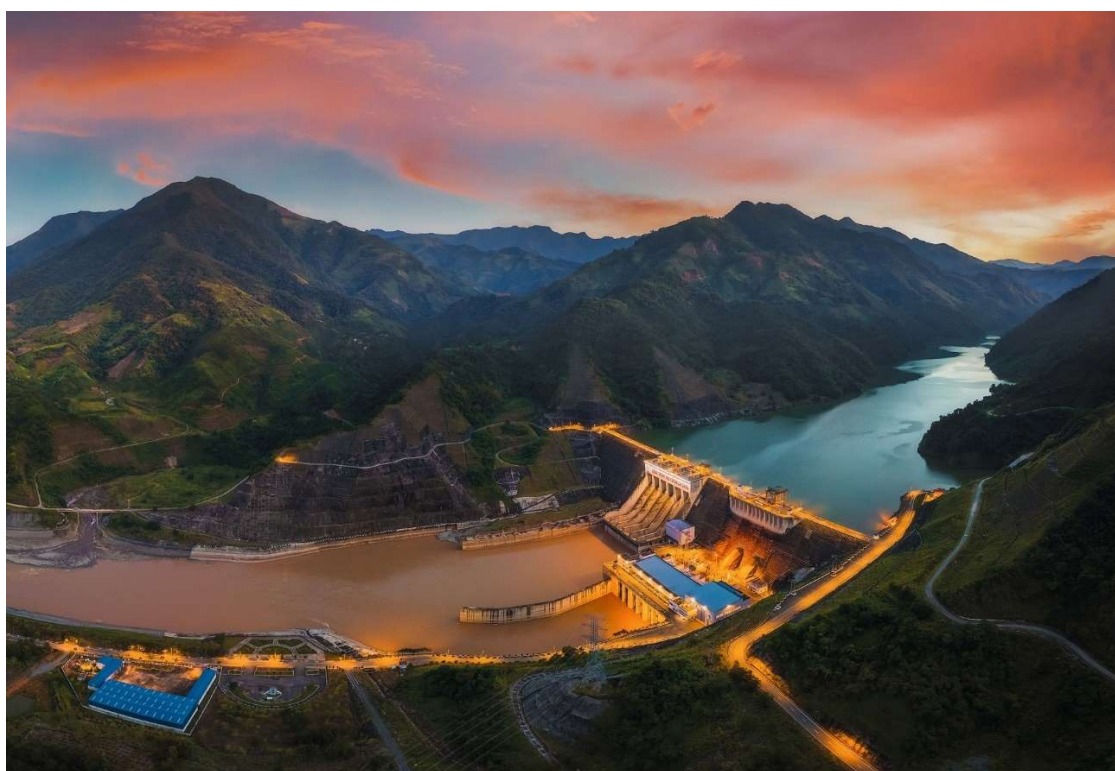
dây 500/220kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín; đường dây 500kV Quảng Trạch-Dốc Sỏi; đường dây 500 kV Hatxan-Pleiku; đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung-Krông Buk; đường dây 500kV Monsoon-Thạch Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) và dự án mở rộng TBA 500Kv Thanh Mỹ; TBA 500kV Lào Cai, Sân phân phối 500/220kV Nhơn Trạch 3,4; dự án nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực miền Bắc; Đường dây 500 kV mạch 3 Quảng Trạch-Phổ Nối; Đường dây 220kV nhiệt điện Hải Dương-Trạm 500kV Phổ Nối; TBA 500 kV Phổ Nối; nâng công suất TBA 500 kV Sơn La; Đường dây 500kV Lào Cai-Vĩnh Yên, và nhiều đường dây, trạm 500kV, 220kV, 110kV...



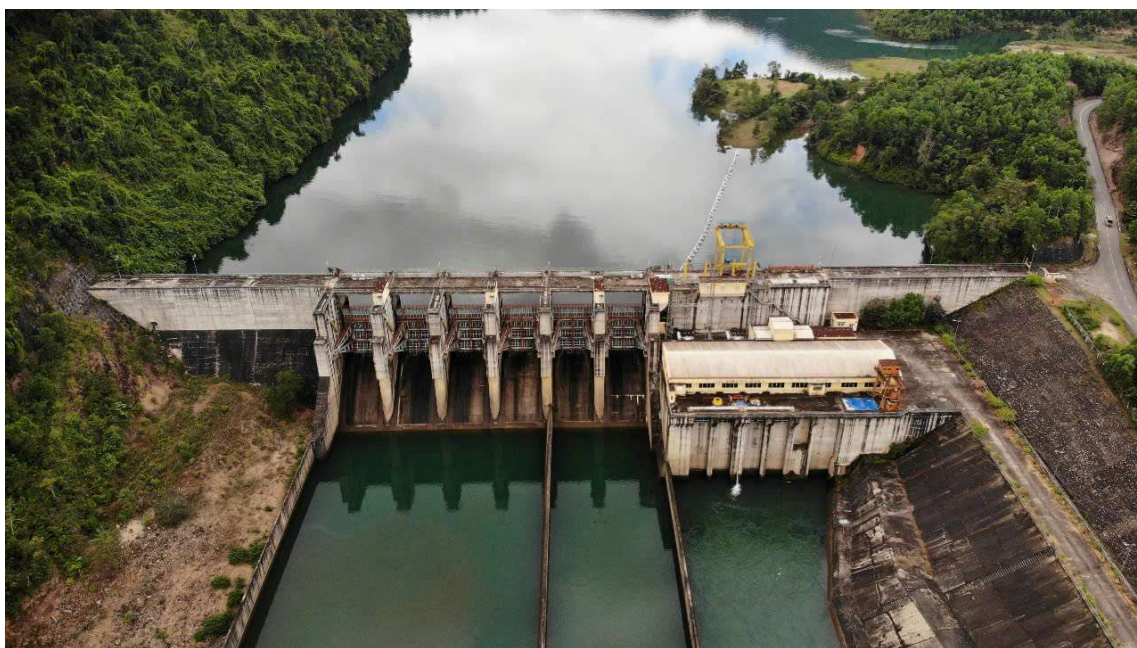
Ông Nguyễn Hữu Chính – Chủ tịch HĐQT PECC1 (bên trái) nhận Bằng khen cho Tập thể có thành tích xuất sắc năm 2025 do Chủ tịch Tập đoàn Điện lực Việt Nam trao tặng.



Một góc Nhà máy Thủy điện Hòa Bình mở rộng



Thủy điện Lai Châu



Thủy điện Sông Bung 5 về đích sớm 28 ngày, hoàn thành 236,6 triệu kWh



Nhà máy Điện gió Cà Mau 1A



Nhà máy Điện gió Ia Pết Đăk Đoa 1, 2



Nhà máy nhiệt điện rác Seraphin khánh thành ngày 18-9-2025



Đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên khánh thành ngày 17-10-2025



Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 2 khánh thành ngày 19-12-2025



*Đường dây 500kV
Monsoon – Thanh Mỹ phục vụ
nhập khẩu điện từ Lào về
Việt Nam*



Trạm biến áp 500kV Lào Cai tại xã Xuân Quang, tỉnh Lào Cai



Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1



Tổng Giám đốc PECC1 - ông Nguyễn Kim Cương (đứng bên trái Phó thủ tướng – thứ bảy từ phải sang) cùng đại diện các đơn vị tham gia thi công dự án Đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên nhận quà lưu niệm từ Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc

2. Mô hình quản trị và tổ chức

PECC1 tổ chức và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN HỮU CHÍNH

Chủ tịch



NGUYỄN KIM CƯỜNG

Thành viên



TRẦN THÁI HẢI

Thành viên



ĐỖ VIỆT KHOA

Thành viên



LÊ VĂN LỰC

Thành viên độc
lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KIM CƯỜNG

Tổng Giám đốc



TRẦN THÁI HẢI

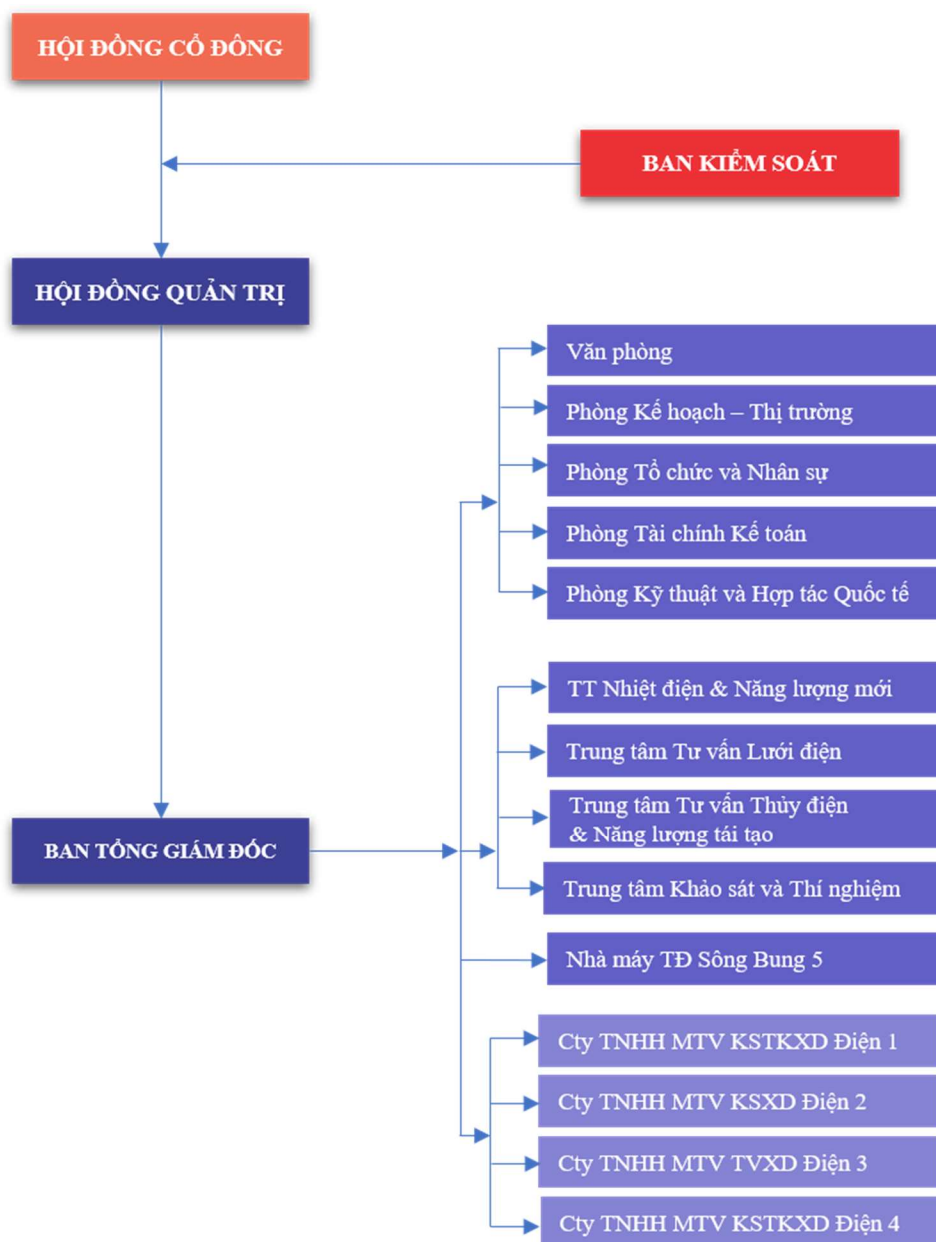
Phó Tổng Giám đốc



ĐỖ VIỆT KHOA

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày
11/03/2026)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



3. Định hướng phát triển

3.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của công ty

Tầm nhìn

Nỗ lực đổi mới vươn lên trở thành công ty tư vấn chuyên nghiệp, uy tín trong lĩnh vực năng lượng, xây dựng công nghiệp, hạ tầng tại Việt Nam và khu vực.

Sứ mệnh

- Với khách hàng: Công ty cam kết đem đến các giải pháp hiệu quả cho khách hàng bằng đội ngũ tư vấn năng lực và sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành năng lượng và đất nước.
- Với người lao động: Công ty cam kết cung cấp các chế độ đãi ngộ tương xứng với năng lực và đóng góp, tạo các cơ hội phát triển công bằng cho cán bộ nhân viên.
- Với cổ đông: Công ty cam kết gia tăng giá trị đầu tư cho các cổ đông bằng chiến lược phát triển bền vững.

Giá trị cốt lõi

- Tiên phong: tiên phong trong đổi mới và ứng dụng kỹ thuật công nghệ để tạo ra năng lực cạnh tranh vượt trội.
- Sáng tạo: chủ động tư duy khác biệt nhằm tạo ra giải pháp tối ưu cho các vấn đề của khách hàng và Công ty.
- Tín nhiệm: lòng tin của khách hàng làm nên sức mạnh thương hiệu, trung thực và đoàn kết nội bộ tạo nên thành công.
- Trách nhiệm: là nền tảng xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên trong Công ty và đối với khách hàng.
- Hiệu quả: định hướng hiệu quả là thước đo cuối cùng của giá trị công việc nhằm gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng, người lao động và cổ đông của Công ty.

3.2. Định hướng phát triển

- Nâng cao năng lực quản trị để Công ty phát triển bền vững và trở thành công ty tư vấn hàng đầu trong nước và khu vực.
- Các lĩnh vực tập trung phát triển
 - + Lĩnh vực kinh doanh chính: Tư vấn xây dựng điện, bao gồm công tác khảo sát, thiết kế, giám sát và tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, lưới điện và năng lượng tái tạo.
 - + Lĩnh vực kinh doanh có liên quan: quản lý dự án, dịch vụ quản lý vận hành các dự án điện, tham gia EPC các dự án nguồn và lưới điện, tư vấn công trình thủy lợi; tư vấn thiết kế chế tạo các thiết bị điện.
 - + Lĩnh vực nghiên cứu, phát triển: Thị trường năng lượng sơ cấp, tối ưu các dạng năng lượng sơ cấp; thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh; thủy điện cột nước thấp; điện thủy triều; an toàn đập; ứng dụng khoa học công nghệ trong điều hành bậc thang thủy điện; xây dựng đập điều hoà tăng hiệu quả sử dụng nước phục vụ nông nghiệp; xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập các công trình thủy điện; điện sinh khối, địa nhiệt; xây dựng quy trình chuẩn về sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện theo điều kiện và độ tin cậy của thiết bị; chiến lược phát triển hệ thống điện; ổn định hệ thống; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện quốc gia; vận hành ổn định các nguồn năng lượng mới và tái tạo; các giải pháp đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động cho các công trình

nguồn và lưới điện; kết nối lưới điện khu vực; trạm số; lưới điện thông minh, trạm biến áp ngầm trong khu đô thị; nâng công suất trạm biến áp trong thành phố lớn.

3.3. Các mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu tài chính: Duy trì ổn định doanh thu mảng tư vấn; mở rộng phát triển doanh thu từ lĩnh vực quản lý vận hành lưới điện và nhà máy, hợp đồng EPC lưới điện tạo đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo.
- Mục tiêu khách hàng: Gia tăng giá trị cung cấp cho khách hàng về chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư.
- Mục tiêu phát triển năng lực
 - + Phát triển năng lực tư vấn và năng lực quản lý dự án tư vấn;
 - + Phát triển năng lực tiếp thị đấu thầu;
 - + Xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp;
 - + Phát triển nguồn nhân lực chiến lược.

4. Các rủi ro

4.1. Rủi ro tài chính

- Lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện, Công ty chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư thanh toán chậm đặc biệt là các chủ đầu tư tư nhân;
- Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

4.2. Rủi ro thị trường:

Công ty phải đối mặt với cạnh tranh lớn về giá trên thị trường khi có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp tư vấn nhỏ cùng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn điện. Đặc biệt hiện nay, Công ty đang đẩy mạnh cung cấp dịch vụ đến các thị trường tư vấn điện trong khu vực cũng như quốc tế, mức độ cạnh tranh càng cao do có nhiều đơn vị tư vấn nước ngoài tham gia.

4.3. Rủi ro khác

- Đối với các công ty hoạt động tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn hiện nay;
- Rủi ro về lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty;
- Rủi ro tín dụng: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác);

- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Ngày 26/06/2025, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Đại hội bế mạc vào hồi 14h00' cùng ngày.

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/NQ-TVĐ1-ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	26/06/2025	Đại hội đã thông qua:
		1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025.
		2. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2025
		3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu: - Tổng doanh thu: + Hợp nhất: 550 tỷ đồng + Công ty mẹ: 526,5 tỷ đồng - Tổng lợi nhuận sau thuế: + Hợp nhất: 95,4 tỷ đồng + Công ty mẹ: 94,7 tỷ đồng
		4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.
		5. Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ năm 2024 đã được kiểm toán; kết quả xử lý tài chính tồn đọng trong năm 2024.
		6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 - Tổng lợi nhuận được phân phối: 113,38 tỷ đồng + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: 99,59 tỷ đồng + Lợi nhuận các năm trước để lại: 13,78 tỷ đồng - Phương án phân phối lợi nhuận: + Quỹ đầu tư phát triển: 25 tỷ đồng + Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động: 16,91 tỷ đồng + Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên: 0,33 tỷ đồng + Chia cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt: tỷ lệ 6%/1 cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 600 đồng) + Lợi nhuận để lại: 57,10 tỷ đồng
		7. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 - Quỹ đầu tư phát triển: Tối đa không vượt quá 30% lợi nhuận sau thuế năm 2025 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi - Quỹ thưởng Người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên - Chia cổ tức bằng tiền mặt: Không thấp hơn 6%/mệnh giá.
		8. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024; kế hoạch năm 2025
		9. Sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh
		10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

		<p>11. Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm ông Nguyễn Tài Anh - Miễn nhiệm ông Lê Thành Chung - Bổ nhiệm ông Nguyễn Kim Cương - Bổ nhiệm ông Đỗ Việt Khoa
		<p>12. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trong trường hợp các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện cao hơn kế hoạch - Quyết định bãi nhiệm kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 khi xét thấy cần thiết

Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Chi tiêu	Nghị quyết số 01/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ	Nghị quyết số 02/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ
Chia cổ tức bằng tiền mặt	Tỷ lệ 6% mệnh giá	Không thay đổi
Số tiền cổ tức	14,04 tỷ đồng	16,01 tỷ đồng
Lợi nhuận để lại	57,1 tỷ đồng	55,13 tỷ đồng

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 so với kế hoạch (tỷ đồng)

TT	Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	550	713,463	163,463	129,720%
	- Doanh thu khảo sát, thiết kế, xây lắp	350	447,018	97,018	127,719%
	- Doanh thu bán điện	200	261,600	61,600	130,800%
	- Doanh thu hoạt động tài chính		1,907	1,907	
	- Thu nhập khác		2,937	2,937	
2	Tổng chi phí		523,571		
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		189,891		
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp		39,694		
5	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	95,4	150,198	54,798	157,440%

Bảng 2. Chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (tỷ đồng)

TT	Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
1	Tổng doanh thu	713,463	690,965	4,122	20,195	9,977	11,374
2	Tổng chi phí	523,571	503,512	4,027	19,872	9,534	9,660
	- Giá vốn hàng bán	462,723	452,280	2,900	17,606	8,092	5,224
	- Chi phí tài chính	11,009	15,279	0,000	0,559	0,000	0,041
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	44,084	33,864	1,127	1,668	1,369	0,840
	- Chi phí khác	5,756	2,089	0,000	0,039	0,073	3,555
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	189,891	187,453	0,095	0,323	0,443	1,715
4	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	39,694	38,491	0,000	0,148	0,000	1,054
5	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	150,198	148,962	0,095	0,175	0,443	0,661

Bảng 3. Doanh thu năm 2025 theo lĩnh vực tại Công ty mẹ (tỷ đồng)

Doanh thu	Ngoài EVN	EVN	Cộng	Ngoài EVN	EVN	Cộng
1. Nhiệt điện	43,595	56,800	100,395	43,423%	56,577%	100%
2. Thủy điện	38,397	80,699	119,096	32,240%	67,760%	100%
3. Lưới điện	6,478	174,713	181,191	3,575%	96,425%	100%
3. Năng lượng mới	25,897	0,190	26,086	99,273%	0,727%	100%
4. Thủy điện Sông Bung 5	0	261,600	261,600	0,000%	100%	100%
5. Điện hạt nhân	0	0,932	0,932	0%	100%	100%
6. Khác	0,098	0	0,098	100%	0%	100%
Cộng	114,464	574,935	689,399	16,603%	83,397%	100%

Bảng 4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 so với năm 2024 (tỷ đồng)

TT	Chi tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	713,463	567,736	145,727	25,668%
	- Doanh thu khảo sát, thiết kế, xây lắp	447,018	348,346	98,672	28,326%
	- Doanh thu bán điện	261,600	215,941	45,659	21,144%
	- Doanh thu hoạt động tài chính	1,907	2,071	-0,163	-7,890%
	- Thu nhập khác	2,937	1,378	1,559	113,147%
2	Tổng chi phí	523,571	458,506	65,065	14,191%
	- Chi phí lãi vay	10,989	23,642	-12,653	-53,518%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	189,891	109,230	80,662	73,846%
4	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	39,694	21,732	17,961	82,647%
5	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	150,198	87,497	62,700	71,660%
6	Tổng tài sản/Tổng nợ (lần)	1,901	1,610	0,291	18,043%

Bảng 5. Các khoản dự phòng (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025
1. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-113,100	-113,918	-77,827	-83,856
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-59,559	-50,411	-46,424	-37,067
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-27,929	-23,059
Cộng	-172,659	-164,329	-152,179	-143,982

Bảng 6. Tình hình sử dụng vốn (tỷ đồng)

Nguồn vốn	Hợp nhất			Công ty Mẹ		
	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tăng/giảm	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025	Tăng/giảm
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	511,323	394,485	116,838	532,197	416,596	115,602
2. Nguồn vốn vay	134,181	277,813	-143,632	125,373	259,322	-133,949
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	133,697	166,008	-32,311	125,373	148,000	-22,627

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I

- Vay và thuê tài chính dài hạn	0,483	111,805	-111,321	0,000	111,321	-111,321
3. Nguồn vốn khác	433,421	368,572	64,850	403,769	333,437	70,333
Cộng	1078,925	1040,870	38,055	1061,340	1009,354	51,986

Bảng 7. Nguồn vốn khác (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Phải trả người bán	66,854	61,279	77,909	75,061
2. Người mua trả tiền trước	104,394	84,353	95,629	71,923
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	41,331	32,894	37,230	29,475
4. Phải trả người lao động	86,955	56,635	79,173	55,291
5. Chi phí phải trả	11,362	14,149	11,308	10,837
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	95,775	94,364	78,161	68,491
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,751	24,899	24,359	22,360
Cộng	433,421	368,572	403,769	333,437

Bảng 8. Hợp đồng (tỷ đồng)

Diễn giải	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
1. Theo loại công việc	835,129	422,586	412,543	97,623%
1.1. Khảo sát	139,379	140,199	-0,820	-0,580%
1.2. Tư vấn thiết kế	691,050	266,852	424,198	158,964%
1.3. Khác	4,700	15,535	-10,835	-69,750%
2. Theo lĩnh vực	835,131	422,600	412,531	97,617%
2.1. Thủy điện-thủy lợi	178,138	85,600	92,538	108,105%
2.2. Nhiệt điện	276,994	103,900	173,094	166,597%
2.3. Lưới điện	354,567	218,100	136,467	62,571%
2.4. Năng lượng mới (gió, mặt trời...)	25,432	15,000	10,432	69,545%
3. Theo khách hàng	835,131	422,600	412,531	97,617%
3.1 Trong EVN	636,724	257,700	379,024	147,080%
3.2. Ngoài EVN	198,407	164,900	33,507	20,319%

2. Báo cáo lao động-thu nhập

Bảng 9. Số lượng lao động

TT	Đơn vị	NĂM 2024				NĂM 2025			
		Tổng	Lao động nữ	Lao động được đóng BHXH	Lao động hợp đồng dưới 6 tháng	Tổng	Lao động nữ	Lao động được đóng BHXH	Lao động hợp đồng dưới 6 tháng
1	Khối cơ quan Công ty	501	153	486	9	494	151	477	7
2	MTV1	26	7	26		22	8	22	
3	MTV2	33	7	28		30	5	25	

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

4	MTV3	5	3	4		5	3	4	
5	MTV4	16	6	16		12	6	12	1
	Cộng	581	176	560	9	563	173	540	8

Bảng 10. Thu nhập của người lao động năm 2024 (1.000 đồng)

TT	Đơn vị	Tổng thu nhập	Tiền lương	BHXH trả thay lương	Thu nhập bình quân	Tiền lương bình quân	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
1	Khối cơ quan Công ty	139.533.349	139.260.200	273.149	22.889	22.845	12.498.205
2	MTV1	744.270	744.270		2.340	2.340	647.092
3	MTV2	3.429.706	3.423.752	5.954	8.406	8.392	424.720
4	MTV3	288.000	288.000		4.800	4.800	55.197
5	MTV4	1.924.900	1.760.099	164.801	9.436	8.628	368.840
	Cộng	145.920.225	145.476.321	443.904	20.593	20.530	13.994.054

Bảng 11. Thu nhập của người lao động năm 2025 (1.000 đồng)

TT	Đơn vị	Tổng thu nhập	Tiền lương	BHXH trả thay lương	Các khoản thu nhập khác	Thu nhập bình quân	Tiền lương bình quân	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
1	Khối cơ quan Công ty	194.863.100	180.562.000	202.947	14.098.153	33.005	30.583	12.380.331
2	MTV1	2.108.563	2.108.563			7.321	7.321	530.865
3	MTV2	6.564.023	6.556.482	7.541		18.862	18.840	375.320
4	MTV3	288.000	288.000			4.800	4.800	56.990
5	MTV4	1.730.567	1.713.392	17.175		10.301	10.199	312.822
	Cộng	205.554.253	191.228.437	227.663	14.098.153	30.371	28.255	13.656.328

3. Tiền lương, thù lao Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Bảng 12. Tiền lương, thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (đã nhận từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 - đơn vị tính: đồng)

Stt	Họ và tên	Tiền lương	Thù lao	Cộng
I	Hội đồng quản trị	2.852.181.493	704.640.000	3.556.821.493
1	Nguyễn Tài Anh	0	115.200.000	115.200.000
2	Lê Thành Chung	0	79.560.000	79.560.000
3	Lê Văn Lực	0	170.000.000	170.000.000
4	Nguyễn Hữu Chính	904.644.196	68.720.000	973.364.196
5	Trần Thái Hải	668.958.462	132.440.000	801.398.462
6	Nguyễn Kim Cương	639.396.480	73.720.000	713.116.480
7	Đỗ Việt Khoa	639.182.355	65.000.000	704.182.355
II	Ban kiểm soát	677.734.785	379.200.000	1.056.934.785
1	Nguyễn Hồng Quang	0	192.000.000	192.000.000

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I

2	Nguyễn Hoàng Điệp	0	187.200.000	187.200.000
3	Cao Thúy Nga	677.734.785	0	677.734.785
	Cộng	3.529.916.278	1.083.840.000	4.613.756.278

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhận cổ tức năm 2024

Bảng 13. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhận cổ tức năm 2024

Stt	Họ và tên	Số lượng chứng khoán nắm giữ	Số tiền thanh toán trước thuế	Thuế thu nhập cá nhân	Số tiền thanh toán sau thuế
1	Cao Thúy Nga	3.906	2.343.600	117.180	2.226.420
2	Lê Thành Chung	1.840	1.104.000	55.200	1.048.800
3	Lê Văn Lực	264.554	158.732.400	7.936.620	150.795.780
4	Nguyễn Hữu Chính	2.401	1.440.600	72.030	1.368.570
5	Trần Thái Hải	4.000	2.400.000	120.000	2.280.000
6	Đỗ Việt Khoa	66.116	39.669.600	1.983.480	37.686.120
	Cộng	342.817	205.690.200	10.284.510	195.405.690

5. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không

6. Tình hình đầu tư

6.1. Đầu tư dự án, đầu tư tài chính: Năm 2025, Công ty không thực hiện đầu tư dự án, đầu tư tài chính.

6.2. Kết quả đầu tư tại các công ty con

Bảng 14. Kết quả đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con (tỷ đồng)

Công ty	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng doanh thu	Tổng chi phí	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
1. MTV1	17,102	17,399	4,122	4,027	0,095	0,095
2. MTV2	4,870	5,845	20,195	19,872	0,323	0,175
3. MTV3	6,517	3,687	9,977	9,534	0,443	0,443
4. MTV4	6,060	4,703	11,374	9,660	1,715	0,661
Cộng	34,549	31,635	45,668	43,093	2,575	1,373

7. Tình hình tài chính

Bảng 15. Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu

Đơn vị	Năm 2024			Năm 2025		
	Nợ phải trả (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	Nợ phải trả (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)
1. Hợp nhất	646,385	394,485	1,639	567,602	511,323	1,110
2. Công ty Mẹ	592,758	416,596	1,423	529,142	532,197	0,994
3. MTV1	9,873	17,305	0,571	7,056	17,399	0,406
4. MTV2	27,149	5,671	4,788	19,089	5,845	3,266
5. MTV3	11,104	3,244	3,423	9,909	3,687	2,687

6. MTV4	38,901	4,043	9,623	32,103	4,703	6,825
---------	--------	-------	-------	--------	-------	-------

Bảng 16. Tình hình tài chính (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất			Công ty Mẹ		
	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/ giảm	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/ giảm
1. Tổng giá trị tài sản	1.040,870	1.078,925	38,055	1.009,354	1.061,340	51,986
2. Doanh thu thuần	564,287	708,618	144,331	554,244	688,872	134,629
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	117,769	192,710	74,941	127,994	189,352	61,359
4. Lợi nhuận khác	-8,539	-2,819	5,720	-7,166	-1,899	5,267
5. Lợi nhuận trước thuế	109,230	189,891	80,662	120,828	187,453	66,625
6. Lợi nhuận sau thuế	87,497	150,198	62,700	99,594	148,962	49,368

Bảng 17. Thông tin tài chính

a) Tài sản (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
Tài sản ngắn hạn	537,702	517,042	23,166	23,764	12,532	36,784
Nợ ngắn hạn	567,119	529,142	7,056	18,605	9,909	32,103
Tài sản ngắn hạn-Nợ ngắn hạn	-29,417	-12,100	16,110	5,159	2,623	4,681
Tài sản dài hạn	541,223	544,298	1,289	1,170	1,064	0,022
Nợ dài hạn	0,483	0,000	0,000	0,483	0,000	0,000
Tài sản dài hạn-Nợ dài hạn	540,740	544,298	1,289	0,687	1,064	0,022
Tổng tài sản	1078,925	1061,340	24,455	24,934	13,596	36,806
Tổng nợ	567,602	529,142	7,056	19,089	9,909	32,103
Tổng tài sản-Tổng nợ	511,323	532,197	17,399	5,845	3,687	4,703
Vốn chủ sở hữu	511,323	532,197	17,399	5,845	3,687	4,703
Vốn điều lệ	266,913	266,913	17,102	4,870	6,517	6,060
Vốn chủ sở hữu-vốn điều lệ	244,410	265,284	0,297	0,975	-2,830	-1,357

b) Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	708,618	688,872	4,112	20,171	9,842	8,791
2. Giá vốn hàng bán	462,723	452,280	2,900	17,606	8,092	5,224
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245,895	236,593	1,213	2,565	1,750	3,567
4. Doanh thu tài chính	1,907	1,903	0,003	0,001	0,000	0,001
5. Chi phí tài chính	11,009	15,279	0,000	0,559	0,000	0,041
6. Lợi nhuận tài chính	-9,102	-13,377	0,003	-0,558	0,000	-0,040
7. Lợi nhuận khác	-2,819	-1,899	0,006	-0,016	0,062	-0,972
8. Tổng lợi nhuận trước thuế	189,891	187,453	0,095	0,323	0,443	1,715
9. Lợi nhuận sau thuế	150,198	148,962	0,095	0,175	0,443	0,661

Bảng 18. Vay và nợ thuê tài chính (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	01/01/2025	31/12/2025	01/01/2025	31/12/2025
1. Vay ngân hàng	56,744	0,230	52,015	0,000
- Vay ngắn hạn	30,240	0,230	25,510	0,000
- Vay dài hạn	26,504	0,000	26,504	0,000
2. Vay cá nhân	127,668	124,277	122,490	119,740
- Vay ngắn hạn	127,668	124,277	122,490	119,740
3. Vay lương	93,487	9,674	84,817	5,633
- Vay ngắn hạn	8,186	9,191	0,000	5,633
- Vay dài hạn	85,300	0,483	84,817	0,000
Cộng	277,899	134,181	259,322	125,373

Bảng 19. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (tỷ đồng)

Diễn giải	Hợp nhất				Công ty Mẹ			
	Đầu năm	Phát sinh		Cuối năm	Đầu năm	Phát sinh		Cuối năm
		Phải nộp	Đã nộp			Phải nộp	Đã nộp	
I. Thuế	27,790	133,389	123,574	37,605	26,454	126,019	118,494	33,978
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	13,849	48,504	50,301	12,051	13,055	42,705	46,056	9,704
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	11,286	39,694	30,833	20,147	10,837	38,491	30,343	18,985
3. Thuế thu nhập cá nhân	0,329	14,553	12,457	2,425	0,271	14,343	12,266	2,348
4. Thuế tài nguyên	2,290	28,661	28,011	2,940	2,290	28,661	28,011	2,940
5. Thuế nhà đất	0,000	0,040	0,040	0,000	0,000	0,027	0,027	0,000
6. Tiền thuê đất	0,036	1,837	1,831	0,042	0,000	1,698	1,698	0,000
7. Các loại thuế khác	0,000	0,100	0,100	0,000	0,000	0,093	0,093	0,000
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu	0,000	0,893	0,893	0,000	0,000	0,893	0,893	0,000
- Thuế môn bài	0,000	0,011	0,011	0,000	0,000	0,004	0,004	0,000
II. Các khoản phải nộp khác	5,103	15,778	17,157	3,725	3,022	12,228	11,998	3,252
1. Phí dịch vụ môi trường rừng	2,998	9,462	9,224	3,235	2,998	9,462	9,224	3,235
2. Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	0,000	2,441	2,441	0,000	0,000	2,441	2,441	0,000
3. Các khoản nộp phạt	2,106	3,875	5,491	0,490	0,024	0,325	0,332	0,017
Tổng cộng	32,894	149,167	140,730	41,331	29,475	138,247	130,492	37,230

Bảng 20. Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng và phúc lợi (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
I- Quỹ Đầu tư phát triển						
1. Số dư đầu kỳ	40,980	35,699	1,428	0,781	1,699	1,374
2. Số tăng trong kỳ	25,000	25,000	0,000	0,000	0,000	0,000
3. Số giảm trong kỳ	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
4. Số dư cuối kỳ	65,980	60,699	1,428	0,781	1,699	1,374
II- Quỹ khen thưởng						
1. Số dư đầu kỳ	13,642	12,066	0,317	0,003	0,899	0,356
2. Số tăng trong kỳ	8,455	8,455	0,000	0,000	0,000	0,000
3. Số giảm trong kỳ	0,882	0,882	0,000	0,000	0,000	0,000
4. Số dư cuối kỳ	21,215	19,639	0,317	0,003	0,899	0,356
II- Quỹ phúc lợi						
1. Số dư đầu kỳ	10,967	10,004	0,549	0,001	0,412	0,001
2. Số tăng trong kỳ	8,455	8,455	0,000	0,000	0,000	0,000
3. Số giảm trong kỳ	13,887	13,739	0,148	0,000	0,000	0,000
4. Số dư cuối kỳ	5,536	4,720	0,402	0,001	0,412	0,001

Bảng 21. Nợ phải thu (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
1. Phải thu khách hàng	408,204	365,706	13,060	15,860	10,027	20,541
2. Trả trước cho người bán	18,718	30,090	0,332	0,100	0,330	0,573
3. Các khoản phải thu khác	45,143	33,351	3,972	3,056	1,772	2,991
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-113,100	-77,827	-0,456	-0,390	-0,642	-1,031
5. Phải thu dài hạn khác	0,045	0,045	0,000	0,000	0,000	0,000
Cộng	359,010	351,366	16,908	18,626	11,487	23,074

Bảng 22. Nợ phải trả (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
1. Phải trả người bán	66,854	77,909	2,408	1,206	0,088	2,233
2. Người mua trả tiền trước	104,394	95,629	1,826	4,686	1,133	13,826
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	41,331	37,230	0,142	0,953	0,767	2,238
4. Phải trả người lao động	86,955	79,173	0,233	2,635	3,682	1,232
5. Chi phí phải trả	11,362	11,308	0,000	0,000	0,000	0,055
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	95,775	78,161	1,368	4,902	2,553	8,792
7. Vay và nợ ngắn hạn	133,697	125,373	0,361	4,219	0,375	3,370
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,751	24,359	0,719	0,004	1,311	0,358
9. Vay và thuê tài chính dài hạn	0,483	0,000	0,000	0,483	0,000	0,000
Cộng	567,602	529,142	7,056	19,089	9,909	32,103

Bảng 23. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Diễn giải	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
		Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán					
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,874	0,948	0,889	0,977
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,682	0,782	0,728	0,822
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn					
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	Tổng nợ/Tổng tài sản	0,621	0,526	0,587	0,499
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1,639	1,110	1,423	0,994
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
- Vòng quay hàng tồn kho (lần)	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	3,378	4,705	4,385	5,661
- Vòng quay tổng tài sản (lần)	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,513	0,669	0,522	0,665
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời					
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)		15,506%	21,196%	17,969%	21,624%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		22,180%	29,374%	23,907%	27,990%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)		8,406%	13,921%	9,867%	14,035%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)		20,870%	27,195%	23,093%	27,487%

Bảng 24. Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
A- Tài sản ngắn hạn	537,702	467,118	517,042	428,189
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	32,127	36,265	31,145	33,528
1. Tiền	32,127	36,265	31,145	33,528
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	51,300	2,677	51,300	2,677
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	51,300	2,677	51,300	2,677
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	358,965	324,947	351,321	313,633
1. Phải thu khách hàng	408,204	370,181	365,706	328,259
2. Trả trước cho người bán	18,718	14,571	30,090	27,903
3. Các khoản phải thu khác	45,143	54,114	33,351	41,328
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-113,100	-113,918	-77,827	-83,856
IV- Hàng tồn kho	94,343	102,342	82,309	77,490

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

1. Hàng tồn kho	153,902	152,753	128,733	114,557
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-59,559	-50,411	-46,424	-37,067
V- Tài sản ngắn hạn khác	0,967	0,887	0,967	0,861
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	0,967	0,861	0,967	0,861
2. Thuế GTGT được khấu trừ		0,009		
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		0,018		
B- Tài sản dài hạn	541,223	573,752	544,298	581,165
I. Các khoản phải thu dài hạn	0,045	0,132	0,045	0,132
1. Phải thu dài hạn khác	0,045	0,132	0,045	0,132
II. Tài sản cố định	526,575	560,940	523,200	557,006
1. Tài sản cố định hữu hình	525,354	559,512	522,352	555,949
- Nguyên giá	1171,371	1167,079	1130,464	1126,217
- Giá trị hao mòn lũy kế	-646,017	-607,568	-608,112	-570,268
2. Tài sản cố định vô hình	1,221	1,429	0,849	1,057
- Nguyên giá	21,372	21,043	19,929	19,600
- Giá trị hao mòn lũy kế	-20,151	-19,614	-19,080	-18,543
III. Tài sản dở dang dài hạn		0,329		0,329
1. Chi phí XDCB doanh dở dang		0,329		0,329
IV . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			6,620	11,490
1. Đầu tư vào công ty con			34,549	34,549
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			-27,929	-23,059
V. Tài sản dài hạn khác	14,604	12,350	14,432	12,208
1. Chi phí trả trước dài hạn	7,150	3,867	6,979	3,724
4. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế	7,453	8,484	7,453	8,484
Tổng cộng tài sản	1078,925	1040,870	1061,340	1009,354
A- Nợ phải trả	567,602	646,385	529,142	592,758
I- Nợ ngắn hạn	567,119	534,580	529,142	481,437
1. Phải trả người bán	66,854	61,279	77,909	75,061
2. Người mua trả tiền trước	104,394	84,353	95,629	71,923
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	41,331	32,894	37,230	29,475
4. Phải trả người lao động	86,955	56,635	79,173	55,291
5. Chi phí phải trả	11,362	14,149	11,308	10,837
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	95,775	94,364	78,161	68,491
7. Vay và nợ ngắn hạn	133,697	166,008	125,373	148,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,751	24,899	24,359	22,360
II- Nợ dài hạn	0,483	111,805		111,321
1. Vay và thuê tài chính dài hạn khác	0,483	111,805		111,321
B- Vốn chủ sở hữu	511,323	394,485	532,197	416,596
I- Vốn chủ sở hữu	511,323	394,380	532,197	416,490
1. Vốn góp của chủ sở hữu	266,913	266,913	266,913	266,913
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	262,043	262,043	266,913	266,913
2. Quỹ đầu tư phát triển	65,980	40,980	60,699	35,699

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,500	0,500	0,500	0,500
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	177,930	85,987	204,085	113,378
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	27,732	85,987	55,123	113,378
- LNST chưa phân phối kỳ này	150,198		148,962	
II- Nguồn kinh phí		0,105		0,105
1. Nguồn kinh phí		0,105		0,105
Tổng cộng nguồn vốn	1078,925	1040,870	1061,340	1009,354

Bảng 25. Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)

Chi tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	189,891	109,23	187,453	120,828
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	39,698	39,678	39,059	39,056
- Các khoản dự phòng	8,33	46,112	8,197	34,296
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá	-0,753	1,45	-0,753	1,45
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	0,285	-0,602	0,312	-0,539
- Chi phí lãi vay	10,989	23,642	10,389	22,936
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	248,439	219,51	244,657	218,027
- Tăng giảm các khoản phải thu	-31,903	51,543	-30,388	50,098
- Tăng giảm hàng tồn kho	-0,118	-2,707	-13,145	-0,504
- Tăng giảm các khoản phải trả	45,585	-6,319	50,795	-5,769
- Tăng giảm chi phí trả trước	-3,39	-0,126	-3,361	-0,209
- Tiền lãi vay đã trả	-4,027	-16,057	-2,589	-15,348
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-30,833	-25,494	-30,343	-25,364
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	-15,389	-9,122	-15,241	-9,083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	208,365	211,228	200,385	211,848
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	-5,003	-2,756	-4,925	-2,032
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	0,023	0,564	0	0,489
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-51,3	-2,677	-51,3	-2,677
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	2,677		2,677	
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	0,201	0,057	0,196	0,051
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-53,403	-4,812	-53,352	-4,169
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	22,357	61,825	20,159	49,216
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	-165,989	-250,186	-154,107	-236,649
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-15,481	-5,603	-15,481	-5,603

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-159,113	-193,964	-149,43	-193,036
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	-4,151	12,452	-2,396	14,643
Tiền và tương đương tiền đầu năm	36,265	23,817	33,528	18,889
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	0,013	-0,004	0,013	-0,004
Tiền và tương đương tiền cuối năm	32,127	36,265	31,145	33,528

8. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ các quy định của Pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức của người lao động trong vấn đề bảo vệ môi trường. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được Công ty kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời.

Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động đầu tư. Tất cả các dự án Công ty tham gia công tác tư vấn, đầu tư đều tham vấn cộng đồng địa phương; tìm hiểu điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án; đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án...; đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án...

9. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

9.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 26.691.319 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

9.2. Cơ cấu cổ đông

Bảng 26. Chi tiết cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	17.204.952	64,46%	2
	- Trong nước	17.204.952	64,46%	2
	+ EVN	14.504.227	54,34%	1
	+ Ông Lê Minh Hà	2.700.725	10,12%	1
2	Cổ đông khác	9.486.367	35,54%	2.091
	- Trong nước	9.263.044	34,70%	2.083
	- Nước ngoài	223.323	0,84%	8
3	TỔNG CỘNG	26.691.319	100%	2.093
	Trong đó:			
	- Trong nước	26.467.996	99,16%	2.085
	- Nước ngoài	223.323	0,84%	8

Bảng 27. Cổ đông phân loại theo mô hình sở hữu

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông đặc biệt	0	17.204.952	17.204.952	64,46%
1	EVN	0	14.504.227	14.504.227	54,34%
2	Cổ đông lớn (ông Lê Minh Hà)	0	2.700.725	2.700.725	10,12%
II	Người nội bộ và người có liên quan	0	227.427	227.427	0,85%
1	Hội đồng quản trị	0	223.517	223.517	0,84%
1.1.	Ông Nguyễn Hữu Chính, Chủ tịch	0	2.401	2.401	0,01%
1.2.	Ông Trần Thái Hải, Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	4.000	4.000	0,01%
1.3.	Ông Đỗ Việt Khoa, Thành viên	0	11.216	11.216	0,04%
1.4.	Ông Lê Văn Lực, Thành viên độc lập	0	205.900	205.900	0,77%
2	Ban kiểm soát	0	3.906	3.906	0,01%
2.1.	Bà Cao Thúy Nga, Kiểm soát viên	0	3.906	3.906	0,01%
3	Ông Nguyễn Tự Minh, Công bố thông tin	0	4	4	0,00%
III	Cổ đông khác	0	9.258.940	9.258.940	34,69%
	TỔNG CỘNG	0	26.691.319	26.691.319	100,00%

10. Thông tin về cổ đông lớn

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- EVN là cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn. EVN nắm giữ 14.504.227 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 54,34% vốn điều lệ.

- Địa chỉ liên lạc: Số 11 Phố Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội.

- Nhóm người đại diện thực hiện quyền/nghĩa vụ đối với số vốn của EVN tại Công ty gồm:

+ Ông Nguyễn Hữu Chính, Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Nguyễn Hữu Chính đại diện 40% số vốn, tương ứng với số cổ phần là 5.801.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,74% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Kim Cương, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật; ông Nguyễn Kim Cương đại diện 30% số vốn, tương ứng với số cổ phần là 4.351.268 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

+ Ông Trần Thái Hải, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc; ông Trần Thái Hải đại diện 30% số vốn, tương ứng với số cổ phần là 4.351.269 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

b) Ông Lê Minh Hà

- Ông Lê Minh Hà nắm giữ 2.700.725 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10,12% vốn điều lệ.

- Địa chỉ liên lạc: Số nhà 73 phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

11. Các vấn đề khác

- Danh sách cổ đông có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không
- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo đánh giá của ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá tình hình năm 2025

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1, đánh dấu giai đoạn chuyển tiếp từ xử lý các tồn tại, khó khăn kéo dài sang củng cố nền tảng hoạt động ổn định, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và kiện toàn tổ chức quản trị.

Trong năm, Công ty hoạt động trong bối cảnh thị trường tư vấn xây dựng điện tiếp tục biến động mạnh, quy mô một số lĩnh vực truyền thống thu hẹp, cạnh tranh ngày càng gay gắt. Đồng thời, Công ty phải tập trung xử lý nhiều vấn đề tài chính và pháp lý tồn đọng từ các năm trước, tạo áp lực lớn đối với công tác điều hành, quản trị và dòng tiền.

Bên cạnh những khó khăn đó, năm 2025 cũng là năm Công ty có những thay đổi quan trọng về tổ chức và nhân sự lãnh đạo cấp cao.

Mặc dù phải đồng thời xử lý nhiều khó khăn và biến động về tổ chức lãnh đạo, Ban Điều hành và tập thể cán bộ, người lao động Công ty đã nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước nâng cao hiệu quả và tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi:

- Công ty tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo và hỗ trợ của EVN trong công tác cơ chế chính sách, thị trường và nghiệm thu - thanh toán;
- Một số dự án trọng điểm được triển khai đồng bộ, tạo nguồn việc và doanh thu ổn định, giúp Công ty duy trì nhịp độ sản xuất trong năm;
- Sau khi kiện toàn bộ máy lãnh đạo, mô hình chỉ đạo - điều hành cơ bản thuận lợi cho việc triển khai các giải pháp quản trị và điều hành SXKD;
- Đội ngũ cán bộ, người lao động ổn định về tư tưởng, sẵn sàng chia sẻ khó khăn và đồng hành cùng Ban lãnh đạo.
- Nhà máy TĐ Sông Bung 5 đang có chuỗi kết quả sản xuất điện tích cực, ổn định, tạo nguồn lực tài chính ổn định cho Công ty.

Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, Công ty vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn,

- Thị trường tư vấn xây dựng điện truyền thống tiếp tục cạnh tranh gay gắt, đặc biệt trong các gói thầu tư vấn đấu thầu rộng rãi, với mức giảm giá đến 30-40% do hiện nay các gói thầu một giai đoạn 1 túi hồ sơ, gây áp lực lớn lên biên lợi nhuận và hiệu quả SXKD;
- Tình trạng chảy máu chất xám vẫn diễn ra, nhất là đối với một bộ phận cán bộ kỹ thuật chuyên môn tốt, chuyên gia có kinh nghiệm, trong bối cảnh thị trường lao động cạnh tranh;

- Một số lĩnh vực mới đòi hỏi năng lực tổ chức, nguồn lực và kinh nghiệm triển khai cao, trong khi Công ty đồng thời phải tập trung nguồn lực đáng kể để xử lý các tồn tại tài chính và pháp lý phát sinh từ các năm trước;
- Việc xử lý các vấn đề tài chính tồn đọng, bao gồm nợ vay cá nhân, các nghĩa vụ tài chính liên quan và các vụ việc pháp lý kéo dài, tiếp tục tạo áp lực lớn lên dòng tiền và khả năng mở rộng hoạt động trong ngắn hạn.
- Các Công ty TNHH MTV trực thuộc hiện vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm, tổ chức sản xuất và xử lý tài chính, hiệu quả hoạt động thấp, mức độ đóng góp vào kết quả hợp nhất còn hạn chế.
- Quá trình thay đổi, kiện toàn nhân sự lãnh đạo trong năm đặt ra yêu cầu cao về công tác kế thừa, chuyển giao và ổn định tổ chức trong thời gian ngắn, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ triển khai một số nhiệm vụ.

Trong bối cảnh đó, Ban Điều hành xác định mục tiêu xuyên suốt năm 2025 là ổn định tổ chức - duy trì sản xuất - xử lý tồn tại - nâng cao hiệu quả - bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, làm nền tảng cho kế hoạch năm 2026 theo hướng thận trọng và bền vững.

2.1. Hợp đồng (tỷ đồng)

Diễn giải	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
1. Trong EVN	636,724	257,700	379,024	147,080%
2. Ngoài EVN	198,407	164,900	33,507	20,319%
Cộng	835,131	422,600	412,531	97,617%

2.2. Doanh thu (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025		Hợp nhất		Công ty mẹ	
	Hợp nhất	Công ty mẹ	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
- Doanh thu bán điện	200,000	200,000	261,600	215,941	261,600	215,941
- Doanh thu khảo sát, thiết kế công trình điện	350,000	326,500	446,981	347,671	427,272	338,302
- Doanh thu hoạt động khác			0,037	0,674		
- Doanh thu hoạt động tài chính			1,907	2,041	1,903	2,065
- Thu nhập khác			2,937	1,378	0,190	1,303
Cộng	550,000	526,500	713,463	567,706	690,965	557,611

2.3. Chi phí (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
- Giá vốn bán điện	96,545	85,833	96,545	85,833
- Giá vốn khảo sát, thiết kế công trình điện	357,029	262,339	346,378	249,841
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9,148	0,278	9,356	3,787
- Chi phí tài chính	11,009	25,261	15,279	33,326
+ Chi phí lãi vay	10,989	23,642	10,389	22,936

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

- Chi phí bán hàng	-	0,218	-	0,218
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	44,084	74,660	33,864	55,310
- Chi phí khác	5,756	9,917	2,089	8,468
Cộng	523,571	458,506	503,512	436,783

2.4. Lợi nhuận (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty mẹ	
	Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	245,895	215,837	236,593	214,783
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	192,710	117,769	189,352	127,994
- Lợi nhuận khác	(2,819)	(8,539)	(1,899)	(7,166)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	189,891	109,230	187,453	120,828
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	39,694	21,732	38,491	21,234
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	150,198	87,497	148,962	99,594

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Hợp nhất	
	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	0,874	0,948
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,682	0,782
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,621	0,526
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	1,639	1,110
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (lần)	3,378	4,705
- Vòng quay tổng tài sản (lần)	0,513	0,669
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,506%	21,196%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	22,180%	29,374%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,406%	13,921%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	20,870%	27,195%

4. Những kết quả Công ty đã đạt được

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
1. Giá trị hợp đồng (tỷ đồng)	835,131	422,6	412,531	97,62%
2. Tổng doanh thu (tỷ đồng)	713,463	567,706	145,757	25,68%
3. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tỷ đồng)	39,694	21,732	17,961	82,65%
3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (tỷ đồng)	150,198	87,497	62,7	71,66%
4. Tổng thu nhập (triệu đồng)	205.554	145.920	59.634	40,87%
5. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	30.371	20.593	9.778	47,48%
Trong đó: Khối cơ quan công ty	33.005	22.889	10.116	44,20%
6. Quỹ tiền lương (triệu đồng)	191.228	145.476	45.752	31,45%

7. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	28.255	20.530	7.725	37,63%
Trong đó: Khối cơ quan công ty	30.583	22.845	7.738	33,87%

- Năm 2025, Công ty tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư thiết bị công nghệ, phần mềm tính toán, phần mềm quản lý....; Công ty đã ban hành những biện pháp quản lý tài chính, nhân sự nhằm mục đích khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính, như: quản lý nợ phải thu, nợ phải trả; quản lý hàng tồn kho; quản lý lãi tiền vay; sắp xếp tổ chức bộ máy và định biên lao động, v.v.
- Công ty tiếp tục đảm nhận thực hiện công tác tư vấn cho các dự án quan trọng và cấp bách nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược an ninh năng lượng Quốc gia.
- Thu nhập của người lao động được cải thiện liên tục, tiền lương chi trả kịp thời, giúp Công ty giữ và thu hút được đội ngũ chuyên gia và kỹ sư trình độ cao. Nhờ đó, Công ty đáp ứng tốt các yêu cầu về chất lượng và tiến độ của các công trình trọng điểm, góp phần đảm bảo thành công của dự án.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động công ty như: chi trả đầy đủ tiền lương, đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn, trợ cấp thất nghiệp; ngoài ra Công ty còn trích quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi cho người lao động vào các dịp lễ như: thành lập công ty, 30/4 và 1/5, tết dương lịch, tết âm lịch. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao năng suất, gắn thu nhập với hiệu quả công việc, đồng thời bảo đảm ổn định nguồn nhân lực chất lượng cao trong năm 2026.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Năm 2025, Công ty tập trung tăng cường công tác quản lý tài chính và điều hành dòng tiền, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm khả năng thanh toán các nghĩa vụ đến hạn, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và từng bước cải thiện tình hình tài chính nội bộ. Song song với kết quả SXKD, Công ty tiếp tục sắp xếp lao động theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, cải thiện thu nhập bình quân người lao động.

Công tác đào tạo được đẩy mạnh, bao gồm các lớp quản trị doanh nghiệp cho cán bộ quy hoạch, đào tạo khai thác phần mềm, thiết bị tiên tiến, nâng cao năng lực trong các lĩnh vực mũi nhọn và chiến lược.

6. Đánh giá tình hình năm 2026

Năm 2026 là năm bản lề, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Công ty trong giai đoạn ổn định - tái cơ cấu - phát triển bền vững. Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2025 rất tích cực, Công ty xác định rõ không theo đuổi tăng trưởng nóng, mà tập trung vào chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và an toàn tài chính. Ban điều hành xác định quan điểm chủ đạo trong công tác điều hành năm 2026 như sau:

- Lấy hiệu quả SXKD, hiệu quả sử dụng vốn và năng suất lao động là thước đo trong quản lý, điều hành.
- Ưu tiên ổn định tổ chức và kỷ cương điều hành, bảo đảm bộ máy quản lý các cấp được kiện toàn, rõ trách nhiệm, hoạt động thông suốt và hiệu lực.
- An toàn tài chính và dòng tiền là điều kiện tiên quyết để duy trì hoạt động ổn định và xử lý các tồn tại tài chính.

- Con người và năng lực quản trị làm nền tảng, coi đầu tư cho nguồn nhân lực, khoa học công nghệ và thể chế nội bộ là đầu tư cho phát triển bền vững.

7. Các nhiệm vụ chủ yếu năm 2026

- Tập trung phát triển thị trường theo hướng có chọn lọc, ưu tiên các lĩnh vực tư vấn KSTK lưới điện, nhiệt điện, thủy điện, năng lượng mới – là các lĩnh vực Công ty có năng lực cốt lõi và hiệu quả cao. Trong đó đẩy mạnh tham gia được các dự án nghiên cứu mới như: Điện hạt nhân, HVDC, Thủy điện tích năng, Điện gió ngoài khơi,...

- Duy trì thị trường truyền thống (EVN và các đơn vị thành viên EVN) làm nền tảng ổn định, đồng thời mở rộng thị trường ngoài EVN, thị trường nước ngoài trên cơ sở đánh giá chặt chẽ rủi ro, khả năng thanh toán và hiệu quả tài chính.

- Lựa chọn hợp đồng theo tiêu chí hiệu quả – dòng tiền – năng lực thực hiện, hạn chế chạy theo quy mô doanh thu thuần túy.

- Kiểm soát chặt điều khoản hợp đồng, đặc biệt là tiến độ, điều kiện thanh toán, nghiệm thu, nhằm bảo đảm doanh thu gắn với dòng tiền thực.

- Gắn kế hoạch doanh thu với năng lực thực tế của từng Trung tâm.

- Tiếp tục nâng cao năng suất lao động trực tiếp, phân bổ nguồn lực hợp lý theo từng hợp đồng, coi đây là yếu tố quyết định để đạt kế hoạch trong bối cảnh không mở rộng mạnh về quy mô nhân sự.

- Tăng cường kiểm soát tiến độ, chất lượng và chi phí thực hiện hợp đồng; giảm thiểu thời gian chờ/gián đoạn trong quá trình thực hiện dự án.

- Xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả theo sản lượng/người, doanh thu/người, lợi nhuận/người, làm cơ sở điều hành và phân phối thu nhập.

- Điều hành kế hoạch SXKD gắn chặt với kế hoạch dòng tiền, xây dựng kế hoạch thu – chi theo tháng, theo hợp đồng.

- Ưu tiên các hợp đồng có chu kỳ thu tiền ngắn, hạn chế phát sinh công nợ kéo dài.

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí, kiểm soát chặt chi phí gián tiếp; gắn trách nhiệm kiểm soát chi phí với người đứng đầu đơn vị.

- Tăng cường rà soát, phân loại công nợ phải thu; đánh giá rủi ro và có biện pháp xử lý kịp thời, bảo đảm an toàn tài chính.

- Chấm dứt tình trạng kiêm nhiệm theo chỉ đạo EVN trong tháng 01/2026, kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng rõ người-rõ việc-rõ trách nhiệm.

- Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn lao động gián tiếp, tập trung nguồn lực cho các vị trí trực tiếp tạo giá trị.

- Gắn đánh giá cán bộ quản lý và người lao động với kết quả thực hiện kế hoạch, năng suất và hiệu quả công việc, tránh bình quân, cào bằng.

- Ổn định tổ chức để tạo nền tảng cho việc triển khai kế hoạch 2026 thông suốt, không bị gián đoạn.

- Đánh giá hiệu quả sử dụng các phần mềm tính toán chuyên ngành đã được trang bị, làm cơ sở đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Tiếp tục đầu tư, bổ sung các phần mềm chuyên ngành mới, thiết bị công nghệ mới đáp ứng yêu cầu mở rộng sản phẩm, dịch vụ tư vấn.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và điều hành, xây dựng các hệ thống quản lý tiến độ, nhân sự, chi phí và dữ liệu dùng chung.
- Giảm phụ thuộc vào lao động thủ công trong quản lý, nâng cao hiệu quả và tính minh bạch.
- Chuyển đổi số trong công tác điều hành sản xuất, quản lý nhân sự, tiến độ và chi phí, qua đó tiết kiệm nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý và tăng năng suất lao động.
- Tổ chức đào tạo các nghiệp vụ thiết yếu phục vụ trực tiếp kế hoạch SXKD như: đấu thầu, định giá, quản lý hợp đồng.
- Rà soát và triển khai đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động theo yêu cầu pháp lý và chiến lược phát triển.
- Tiếp tục chương trình đào tạo quản trị doanh nghiệp, quản lý tài chính... cho cán bộ quản lý cấp cao và cấp trung.
- Xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, chú trọng đào tạo chuyên môn, đào tạo nội bộ và phát triển đội ngũ chuyên gia nòng cốt.
- Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản lý nội bộ, bảo đảm đồng bộ, rõ trách nhiệm và khả thi trong thực thi.
- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cơ chế kiểm soát, nâng cao hiệu lực điều hành.
- Chuẩn hóa quy trình lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch SXKD, bảo đảm thông tin kịp thời, phục vụ điều hành.
- Triển khai phương án tái cơ cấu các Công ty TNHH MTV trong năm 2026.
- Tăng cường giám sát tài chính và hiệu quả hoạt động của các MTV.
- Gắn chỉ tiêu doanh thu, hiệu quả SXKD của Công ty con với trách nhiệm người đứng đầu, tránh tình trạng trông chờ, ỷ lại.
- Bên cạnh đó, hỗ trợ các MTV phát triển doanh thu, đào tạo phát triển nguồn nhân lực, năng lực quản trị.

8. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

8.1. Doanh thu

Năm 2026, Công ty đặt ra mục tiêu doanh thu khoảng 591,491 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống của Công ty, trong đó:

- Khảo sát, tư vấn, xây lắp và tài chính: 404,491 tỷ đồng;
- Bán điện: 187 tỷ.

8.2. Chỉ tiêu tài chính

- Lợi nhuận sau thuế: 101,43 tỷ đồng;
- Cổ tức: 8%/vốn điều lệ

9. Vấn đề khác

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức chỉ là dự kiến; các chỉ tiêu trên sẽ được chuẩn xác lại khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và được ghi nhận tại Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2026, Công ty dự kiến mở rộng sản xuất kinh doanh ra một số ngành nghề tiềm năng ngoài lĩnh vực Sản xuất kinh doanh truyền thống của Công ty như quản lý vận hành đường dây và nhà máy điện, tham gia EPC dự án lưới điện, thực hiện các dự án cấp ngầm, lưới điện thông minh, thủy điện tại Lào, Nepal, năng lượng tái tạo, thủy lợi, kè biển, kè sông; tư vấn kiểm định, đảm bảo an toàn vận hành cho công trình và thiết bị các dự án thủy điện, nghiên cứu chuyên sâu đối với các Nhà máy thủy điện mở rộng, tư vấn thiết kế việc chuyển đổi nhiên liệu các dự án nhiệt điện than, thiết kế chế tạo cơ khí cho các nhà máy thủy điện, nhiệt điện...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2025, Công ty hoạt động trong bối cảnh ngành xây dựng điện đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức. Việc Chính phủ ban hành Quy hoạch Điện VIII và Kế hoạch thực hiện đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của hệ thống điện quốc gia. Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn gặp khó khăn do thủ tục pháp lý, vấn đề huy động vốn và tác động từ bất ổn kinh tế và địa chính trị làm gián đoạn chuỗi cung ứng, đẩy chi phí đầu tư lên cao. Đặc biệt, lĩnh vực tư vấn điện, nhất là mảng thủy điện, chịu áp lực lớn từ quy mô thị trường thu hẹp và sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty tư vấn.
- Trước những thách thức đó, Công ty đã chủ động điều chỉnh chiến lược, áp dụng các giải pháp linh hoạt và tối ưu hóa hoạt động kinh doanh, qua đó đạt doanh thu vượt kế hoạch năm 2025.
- Về tài chính, Công ty tiếp tục thực hiện chính sách trích lập dự phòng đầu tư, kiểm soát rủi ro tài chính, đồng thời triển khai nhiều giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị giúp đảm bảo thu nhập cho người lao động, thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và tối đa hóa lợi nhuận, qua đó bảo vệ lợi ích của cổ đông và các nhà đầu tư.

2. Kết quả đạt được

Năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã rất quyết tâm, nỗ lực triển khai hiệu quả các chỉ đạo, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện vai trò chủ động, linh hoạt và hiệu quả trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh, ứng phó với những biến động của thị trường và đảm bảo hoạt động Công ty diễn ra ổn định. Trước bối cảnh cạnh tranh gia tăng và nhiều thách thức từ thị trường xây dựng điện, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra các giải pháp kịp thời, tối ưu hoạt động, quản lý chi phí hiệu quả, giúp Công ty hoàn thành và vượt các chỉ tiêu quan trọng, đặc biệt là về doanh thu và lợi nhuận.

Ban Tổng Giám đốc cũng chú trọng nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường làm việc và đảm bảo thu nhập cho người lao động, góp phần tăng cường sự gắn kết trong nội bộ Công ty.

V. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2026

1. Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
2. Chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

3. Trong bối cảnh ngành năng lượng đang chuyển mình mạnh mẽ theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Năm 2026, EVNPECC1 đặt mục tiêu không chỉ duy trì vị thế tư vấn đầu đàn mà phải trở thành đơn vị tư vấn phát triển bền vững tham gia và chiếm lĩnh phần quan trọng trong chuỗi giá trị năng lượng mới.
4. Tiếp tục phát huy thành công trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống, và đi sâu phát triển khoa học công nghệ: Tập trung nghiên cứu sâu các mảng Điện gió ngoài khơi (mục tiêu 6.000MW của Chính phủ đến 2030), Nhiệt điện khí LNG, điện than và điện sinh khối, sẵn sàng nguồn lực tham gia các dự án Điện hạt nhân khi Chính phủ kích hoạt lại như Điện hạt nhân Ninh Thuận 1; Điện hạt nhân Ninh Thuận 2; Trung tâm NCKHCN Hạt nhân, tiếp tục phát triển công tác quản lý DA đang làm rất tốt như ở Quảng Trạch 1,2 và 3. Nghiên cứu pin lưu trữ năng lượng (BESS) và Lưới điện thông minh. Tiếp tục triển khai đảm bảo tiến độ các dự án trọng điểm của Lưới điện như ĐZ 500kV Tây Hà Nội - Vĩnh Yên; Đường dây 500kV Hòa Bình 2 - Tây Hà Nội; Trạm cắt 500kV Hòa Bình 2..; Các dự án thủy điện mở rộng như Sơn La, Lai Châu và Tuyên Quang.
5. Bắt đầu chuyển dịch sang mô hình Tổng thầu EPC: Đây là chìa khóa để nâng cao doanh thu và năng lực cạnh tranh. Chúng ta cần tận dụng tối đa kinh nghiệm trong lĩnh vực Lưới điện và Thủy điện/NLTT để đảm nhận các gói thầu EPC quy mô lớn cho Tập đoàn và các chủ đầu tư. Trước mắt tập trung vào các gói EPC quy mô nhỏ của Thủy điện và Lưới điện để đào tạo và xây dựng đội ngũ làm EPC, sau khi có kết quả ban đầu mới tiến hành triển khai cho các gói EPC lớn.
6. Đẩy mạnh và phát triển công tác vận hành thuê các nhà điện: Dựa trên nền tảng là công công tác vận hành nhà máy thủy điện Sông Bung 5, trong bối cảnh sắp tới hàng loạt các nhà máy điện sẽ được đưa vào vận hành theo QH8 đặc biệt là các nhà máy quy mô nhỏ như điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối sẽ là dự địa lớn để tăng doanh thu bền vững cho công ty trong tương lai.
7. Triển khai thực hiện đầu tư: Với kinh nghiệm là nhà đầu tư TĐ Sông Bung 5, và lợi thế về đất đai-công nghệ, trong năm 2026 sẽ triển khai nhanh đầu tư dự án điện mặt trời lòng hồ Sông Bung 5 góp phần đảm bảo và duy trì doanh thu cho Công ty khi giá điện của nhà máy TĐ Sông Bung 5 sụt giảm.
8. Tiếp tục rà soát, cập nhật các quy chế quản lý nội bộ. Đặc biệt, tăng cường công tác quản trị rủi ro và cải cách hành chính văn phòng theo hướng số hóa hoàn toàn quy trình phê duyệt. Trong năm 2026 phải hoàn thành lập lại công tác định biên các phòng ban khối quản lý và các quy chế liên quan đến đánh giá chất lượng hoàn thành công việc.
9. Chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia kế cận và có chính sách đãi ngộ xứng đáng để thu hút nhân tài. Thực hiện tái cơ cấu các công ty TNHH MTV do EVNPECC1 nắm giữ 100% vốn điều lệ; đồng thời dừng kiêm nhiệm chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo, tìm kiếm, đào tạo và bổ nhiệm mới các cán bộ trẻ có tiềm năng.
10. Xây dựng môi trường làm việc đoàn kết, nơi mỗi cá nhân đều thấu hiểu trách nhiệm của mình trong việc bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước cũng như quyền lợi của các cổ đông. Đặc biệt nhấn mạnh chủ đề tính đáp ứng và tính trách nhiệm với sản phẩm TVTK.

11. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát hoạt động đối với các công ty TNHH một thành viên thuộc Công ty.

VI. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Thành viên HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Hội đồng quản trị	
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Hữu Chinh	Thành viên	29/06/2017	30/06/2020
Nguyễn Hữu Chinh	Thành viên	29/04/2021	
Nguyễn Hữu Chinh	Chủ tịch	26/06/2025	
Trần Thái Hải	Thành viên	29/06/2017	
Lê Văn Lực	Thành viên độc lập	27/06/2023	
Nguyễn Kim Cương	Thành viên	26/06/2025	
Đỗ Việt Khoa	Thành viên	26/06/2025	
Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	30/06/2020	26/06/2025
Lê Thành Chung	Thành viên	27/06/2023	26/06/2025

1.2. Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ
Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	2020-2025, Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Nguyễn Hữu Chinh	Thành viên	2021-2026
Trần Thái Hải	Thành viên	2023-2028
Lê Thành Chung	Thành viên	2023-2028, Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Lê Văn Lực	Độc lập	2023-2028
Nguyễn Kim Cương	Thành viên	2025-2030, Bổ nhiệm ngày 26/06/2025
Đỗ Việt Khoa	Thành viên	2025-2030, Bổ nhiệm ngày 26/06/2025

Những người có liên quan tới các ông thành viên Hội đồng quản trị không sở hữu cổ phần cũng như không có các khoản nợ đối với Công ty.

1.3. Giao dịch của người có liên quan của người nội bộ: Không

1.4. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng quản trị, không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.5. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác, kịp thời theo đúng quy định.
- Năm 2025, Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện các cuộc họp định kỳ, đột xuất, cho ý kiến bằng văn bản để kịp thời xem xét và thông qua các nghị quyết/quyết định liên quan đến các vấn đề lớn của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã ban hành; giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp, ủy quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết một số vấn đề theo đúng chủ trương đã được thống nhất. Các thành viên Hội

đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

1.6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
Nguyễn Tài Anh	28	58%	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Nguyễn Hữu Chính	48	100%	
Trần Thái Hải	48	100%	
Lê Thành Chung	28	58%	Miễn nhiệm ngày 26/06/2025
Lê Văn Lực	48	100%	
Nguyễn Kim Cương	20	42%	Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025
Đỗ Việt Khoa	20	42%	Bỏ nhiệm ngày 26/06/2025

1.7. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-TVĐ1-HĐQT	06/01/2025	Công tác cán bộ tại PECC1 và tại Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1	100%
2	09/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/01/2025	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.	100%
3	10/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/01/2025	Phê duyệt đề cương lập phương án kỹ thuật và dự toán nâng cấp hệ thống SCADA chuẩn giao thức IEC60870-5-104 tại Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.	100%
4	02/NQ-TVĐ1-HĐQT	20/01/2025	Bổ nhiệm lại giám đốc, phó giám đốc Trung tâm Tư vấn Lưới điện; Chủ trương bổ nhiệm lại chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
5	03/NQ-TVĐ1-HĐQT	26/02/2025	Chương trình công tác năm 2025 của Hội đồng quản trị.	100%
6	04/NQ-TVĐ1-HĐQT	03/03/2025	Ngày đăng ký cuối cùng ngày 24/03/2025; Ngày 25/04/2025 họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
7	05/NQ-TVĐ1-HĐQT	05/03/2025	Công tác cán bộ và quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Công ty	100%
8	06/NQ-TVĐ1-HĐQT	06/03/2025	Phương án sắp xếp tinh gọn các đơn vị quản lý của Công ty	100%
9	79/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/03/2025	Bổ nhiệm lại chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
10	07/NQ-TVĐ1-HĐQT	11/03/2025	Công tác cán bộ tại Nhà máy thủy điện SB5	100%
11	08/NQ-TVĐ1-HĐQT	11/03/2025	Phê duyệt báo cáo khảo sát, đánh giá hiện trạng, phương án kỹ thuật và dự toán sửa chữa Tổ máy số 01 Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.	100%
12	09/NQ-TVĐ1-HĐQT	19/03/2025	Công tác cán bộ tại Trung tâm Khảo sát và Thí nghiệm	100%

13	10/NQ-TVĐ1-HDQT	28/03/2025	Phân phối quỹ lương còn lại năm 2024 của người lao động	100%
14	11/NQ-TVĐ1-HDQT	28/03/2025	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
15	12/NQ-TVĐ1-HDQT	02/04/2025	Hủy ngày đăng ký cuối cùng ngày 24/03/2025; Hủy ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 25/04/2025	100%
16	13/NQ-TVĐ1-HDQT	10/04/2025	Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán chi phí lắp đặt bổ sung Rowle bảo vệ F87 cho đường dây 100kV-Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	100%
17	14/NQ-TVĐ1-HDQT	12/04/2025	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán	100%
18	15/NQ-TVĐ1-HDQT	12/04/2025	Thông qua Đề án tái cơ cấu 4 Công ty TNHH MTV	100%
19	16/NQ-TVĐ1-HDQT	18/04/2025	Thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự chức danh Trưởng phòng Tổ chức và Nhân sự	100%
20	17/NQ-TVĐ1-HDQT	29/04/2025	Thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
21	18/NQ-TVĐ1-HDQT	29/04/2025	Thông qua phương án nhân sự đề bổ nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tổ chức và Nhân sự	100%
22	19/NQ-TVĐ1-HDQT	13/05/2025	Chốt ngày đăng ký cuối cùng (ngày 05/11/2025) họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
23	20/NQ-TVĐ1-HDQT	14/05/2025	Chốt ngày đăng ký cuối cùng (ngày 03/06/2025) họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
24	21/NQ-TVĐ1-HDQT	23/05/2025	Phương án nhân sự giao kiêm nhiệm chức vụ Trưởng phòng tính toán hệ thống điện thuộc Trung tâm Tư vấn Lưới điện	100%
25	22/NQ-TVĐ1-HDQT	23/05/2025	Thông qua kế hoạch hạn mức tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các ngân hàng năm 2025-2026	100%
26	23/NQ-TVĐ1-HDQT	27/05/2025	Thông qua chủ trương nghiên cứu, đánh giá tiềm năng phát triển dự án điện mặt trời trên hồ Thủy điện Sông Bung 5	100%
27	24/NQ-TVĐ1-HDQT	07/06/2025	Thông qua điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
28	25/NQ-TVĐ1-HDQT	12/06/2025	Thông qua phương án nhân sự bổ nhiệm lại Phó trưởng phòng Kế hoạch và Thị trường	100%
29	26/NQ-TVĐ1-HDQT	12/06/2025	Giám sát tài chính tại các công ty TNHH MTV năm 2024	100%
30	27/NQ-TVĐ1-HDQT	25/06/2025	Phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại các bộ năm 2024 các chức danh thuộc thẩm quyền đánh giá của Hội đồng quản trị	100%
31	28/NQ-TVĐ1-HDQT	26/06/2025	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ Tổng Giám đốc	100%
32	29/NQ-TVĐ1-HDQT	30/06/2025	Bổ nhiệm Kế toán trưởng	100%

33	30/NQ-TVĐ1-HĐQT	03/07/2025	Bổ nhiệm Tổng Giám đốc	100%
34	31/NQ-TVĐ1-HĐQT	11/07/2025	- Chương trình hành động 6 tháng cuối năm 2025 của Hội đồng quản trị - Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị	100%
35	32/NQ-TVĐ1-HĐQT	24/07/2025	Kết thúc hoạt động của Tổ tư vấn cho Tổng Giám đốc	100%
36	407/QĐ-TVĐ1-HĐQT	06/10/2025	Thông qua việc đề nghị các ngân hàng cung cấp hạn mức vay ngắn hạn và hạn mức bảo lãnh năm 2025-2026	100%
37	408/QĐ-TVĐ1-HĐQT	06/10/2025	Phê duyệt nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán các chuyên ngành năm 2025-Nhà máy Thủy điện Sông Bung 5	100%
38	409/QĐ-TVĐ1-HĐQT	06/10/2025	Phê duyệt dự toán dịch vụ tư vấn pháp lý thường xuyên	100%
39	410/QĐ-TVĐ1-HĐQT	06/10/2025	Phê duyệt chủ trương kiện toàn nhân sự vị trí Phó Trưởng phòng Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế	100%
40	34/NQ-TVĐ1-HĐQT	13/08/2025	- Chủ trương tiếp tục nghiên cứu Dự án Điện mặt trời nổi trên hồ Nhà máy thủy điện Sông Bung 5. - Giao Tổng Giám đốc rà soát nội dung dự thảo quy chế phân cấp quản lý và khoán nội bộ. - Giao Tổng Giám đốc chỉ đạo Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 (MTV4) cùng các đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng, trình giải pháp khắc phục nợ thuế của MTV4	100%
41	35/NQ-TVĐ1-HĐQT	15/10/2025	Chốt ngày đăng ký cuối cùng (ngày 05/11/2025) để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
42	36/NQ-TVĐ1-HĐQT	21/10/2025	Thông qua việc hỗ trợ Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 khắc phục nợ thuế	100%
43	37/NQ-TVĐ1-HĐQT	21/10/2025	Phê duyệt điều chỉnh dự toán mua xe ô tô 7 chỗ và chi phí may đồng phục cho cán bộ công nhân viên năm 2025	100%
44	38/NQ-TVĐ1-HĐQT	03/11/2025	Phân công Ông Lê Văn Lực phụ trách nhiệm vụ giám sát theo chuyên đề lĩnh vực tài chính, kế hoạch của Công ty	100%
45	450/QĐ-TVĐ1-HĐQT	18/11/2025	Ông Đỗ Minh Hải thôi giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
46	451/QĐ-TVĐ1-HĐQT	18/11/2025	Bổ nhiệm ông Đặng Thành Long giữ chức vụ Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký Công ty	100%
47	39/NQ-TVĐ1-HĐQT	05/11/2025	Thông qua nội dung, tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
48	40/NQ-TVĐ1-HĐQT	18/11/2025	Bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ	100%

49	40a/NQ-TVĐ1-HĐQT	20/11/2025	Phê duyệt dự toán may đồng phục cho cán bộ công nhân viên	100%
50	41/NQ-TVĐ1-HĐQT	25/11/2025	Chốt ngày đăng ký cuối cùng (ngày 12/12/2025) chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
51	42/NQ-TVĐ1-HĐQT	26/11/2025	- Thông qua phương án phân phối Quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên năm 2023 và 2024. - Thông qua chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc.	100%
52	43/NQ-TVĐ1-HĐQT	17/12/2025	Công tác cán bộ	100%
53	44/NQ-TVĐ1-HĐQT	22/12/2025	- Tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. - Thông qua kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 và giai đoạn 2026-2031 các chức danh do Công ty quản lý. - Giao Tổng Giám đốc: Rà soát, kiểm kê chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tương ứng với sản lượng thực tế; Xây dựng phương án xử lý các hợp đồng có dấu hiệu rủi ro. - Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 thực hiện xử lý các khoản phải trả khác không còn đối tượng.	100%
54	45/NQ-TVĐ1-HĐQT	25/12/2025	Phương án nợ vay cá nhân	100%
55	46/NQ-TVĐ1-HĐQT	31/12/2025	Thông qua chủ trương cử lại Người đại diện, bổ nhiệm lại chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4	100%

1.8. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tham gia công tác quản trị Công ty và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị với tư cách là thành viên độc lập theo qui định của Điều lệ công ty và pháp luật của nhà nước.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ban kiểm soát	Trình độ chuyên môn
Nguyễn Hồng Quang	Trưởng ban	27/06/2023	Cử nhân quản trị kinh doanh
Cao Thúy Nga	Thành viên	26/04/2016	Thạc sỹ kinh tế
Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	26/04/2016	Cử nhân tài chính-kế toán

Nhiệm kỳ của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ
Nguyễn Hồng Quang	Trưởng ban	2023-2028
Cao Thúy Nga	Thành viên	2023-2028
Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	2023-2028

Những người có liên quan tới các Kiểm soát viên không sở hữu cổ phần cũng như không có các khoản nợ đối với Công ty.

2.2. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
Ông Nguyễn Hồng Quang	03	100%	100%	
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	03	100%	100%	
Bà Cao Thúy Nga	03	100%	100%	

2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024. Rà soát, kiểm soát, đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024. Rà soát công tác thực hiện giám sát tài chính của Công ty đối với các công ty con.
- Giám sát đơn vị kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các chỉ đạo, yêu cầu của cổ đông trong 6 tháng năm 2025 và các kỳ liên quan.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025. Rà soát, kiểm soát, đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2025 của Công ty.
- Rà soát công tác thực hiện giám sát tài chính của Công ty đối với các công ty con.
- Giám sát đơn vị kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2025.

2.4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty và có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

2.5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tiến hành xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

3. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập
 - Tên: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty:
 - Ông Nguyễn Hoàng Đức, Thành viên Ban Giám đốc, Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0368-2023-008-1
 - Ông Trần Kim Anh, Kiểm toán viên, Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1907-2023-008-1
2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính tổng hợp
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính tổng hợp.

VIII. Công bố thông tin

1. Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.
2. Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Chính